

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Phan Thị Hương
Lớp dạy : 11/7,11/8, 11/9
Thời gian thực hiện: Tuần học 2
Tiết PPCT: 3,4

BÀI 2: VẬT NUÔI VÀ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI **(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này HS cần:

1. Kiến thức:

- Phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.
- Nêu được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta.
- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới, đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về phân loại vật nuôi, các phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi.

2.2. Năng lực công nghệ:

- Phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.
- Nêu được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta.
- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới, đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

2.3. Năng lực số:

1.1.NC1b: Tra cứu, chọn lọc thông tin về giống vật nuôi bản địa, giống nhập nội và các phương thức chăn nuôi từ sách, báo, Internet rồi đối chiếu với SGK - HS lập bảng tra cứu giống, ghi rõ nguồn và kết quả đối chiếu.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tìm hiểu về các phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi để vận dụng vào thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương.
- Có ý thức bảo vệ môi trường chăn nuôi.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên:

- Giáo án, SGV, SGK công nghệ chăn nuôi 11.
- Hình ảnh, video về vật nuôi và phương thức chăn nuôi.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh:

- SGK công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu: Thông qua hình ảnh, câu hỏi gợi ý giúp học sinh nhớ lại những kiến thức, kinh nghiệm đã có về phân loại vật nuôi và phương thức chăn nuôi; giúp kích thích học sinh mong muốn tìm hiểu bài học mới với một số cách đặt vấn đề về tình huống thực tiễn.

b) Nội dung: Sử dụng hình ảnh phân dẫn nhập SGK/ 13 và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về phân loại vật nuôi; phương thức chăn nuôi phổ biến và chuẩn kiến thức của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phân dẫn nhập:



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Dựa vào đâu để phân loại vật nuôi?

+ Hình ảnh trên minh họa cho phương thức chăn nuôi nào?

***Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

+ Vật nuôi phân loại theo: nguồn gốc, đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng.

+ Hình trên minh họa cho phương thức chăn nuôi công nghiệp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 2 – Vật nuôi và phương thức chăn nuôi.**

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về phân loại vật nuôi	
a) Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được có nhiều cách để phân loại vật nuôi, đồng thời có thể vận dụng được kiến thức về phân loại vật nuôi vào thực tiễn chăn nuôi. b) Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, nghiên cứu mục I.1, I.2, I.3 trong SGK, yêu cầu HS trả lời câu hỏi mà GV đưa ra. NĂNG LỰC SỐ Bảng tra cứu giống vật nuôi (em tự tra cứu rồi đối chiếu với SGK)	

Nhóm giống	Tên giống và nơi nuôi phổ biến	Đặc điểm nổi bật	Nguồn em đã tra cứu	SGK có nêu giống này không?
Bản địa				
Bản địa				
Nhập nội				
Nhập nội				

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách phân loại vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin mục I.1, 2, 3 SGK tr.13, 14 và trả lời câu hỏi:

- + Có mấy cách phân loại vật nuôi?
- + Trình bày đặc điểm các cách phân loại vật nuôi?
- GV yêu cầu HS liên hệ thực tiễn và trả lời câu hỏi:
- + Kể tên các loại giống vật nuôi hiện có ở gia đình, địa phương.
- + Phân loại chúng theo đặc tính sinh học hoặc mục đích sử dụng.
- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm về phân loại vật nuôi:

Vật nuôi lấy trứng	
Vật nuôi lấy sức kéo	
Gà Hồ	Gà Polymouth

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục I.1, 2, 3 để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện trả lời câu hỏi.
- GV mời HS liên hệ thực tiễn, trả lời câu hỏi:
- + Tên giống vật nuôi hiện có ở gia đình, địa phương: gà, lợn, vịt, bò, chó...
- + Phân loại:
 - Vật nuôi lấy thịt: gà, lợn, vịt, bò.
 - Vật nuôi lấy trứng: gà, vịt.
 - Vật nuôi lấy sữa: bò.
 - Vật nuôi lấy lông: vịt.
 - Vật nuôi làm cảnh: chó.

1. Tìm hiểu về phân loại vật nuôi

- Có 3 cách phân loại vật nuôi:

1.1. Phân loại theo nguồn gốc.

- Vật nuôi bản địa: là những giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở một địa phương hoặc khu vực nhất định trên lãnh thổ Việt Nam.

- Vật nuôi ngoại nhập (nhập nội): là các giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

1.2. Phân loại theo đặc tính sinh vật học.

- Vật nuôi trên cạn.

- Vật nuôi dưới nước.

- Gia súc, gia cầm.

- Đẻ trứng, đẻ con...

1.3. Phân loại theo mục đích sử dụng.

- Lấy thịt, lấy trứng, lấy sữa, lấy sức kéo.

- Lấy lông, nuôi cảnh

- Làm xiếc, thí nghiệm...

- GV mời đại diện 1 – 2 HS của các nhóm trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về chăn nuôi công nghiệp Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II.2 kết hợp quan sát Hình 2.5 SGK tr.15 và trả lời câu hỏi: + Trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của phương thức chăn nuôi công nghiệp. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin II.2 kết hợp quan sát Hình 2.5 để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS của các nhóm trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về chăn nuôi bán công nghiệp Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II.3 kết hợp quan sát Hình 2.6 SGK tr.16 và trả lời câu hỏi: + Trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của phương thức chăn nuôi bán công nghiệp. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin II.3 kết hợp quan sát Hình 2.6 để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS của các nhóm trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới.	2.2. Tìm hiểu về chăn nuôi công nghiệp - Là quá trình chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn và theo một quy trình khép kín. - Ưu điểm: năng suất cao, khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt, hiệu quả kinh tế cao. - Nhược điểm: Đầu tư ban đầu lớn, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường trầm trọng. 2.3. Tìm hiểu về chăn nuôi bán công nghiệp - Là quá trình chăn nuôi kết hợp giữa chăn nuôi công nghiệp với chăn thả tự do. Trong khẩu phần thức ăn chế biến sẵn và được bổ sung thức ăn tự nhiên. - Ưu điểm: chất lượng sản phẩm chăn nuôi cao, vật nuôi được xử lý tốt hơn.
---	--

	- Nhược điểm: Tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.
--	--

Hoạt động 2.3. Xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
a) Mục tiêu: : Thông qua hoạt động, HS nhận biết được xu hướng phát triển của chăn nuôi, đồng thời nêu được đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh. b) Nội dung: -- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục III trang 16, nêu các câu hỏi để HS tự nhận thức được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới; nêu được các đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về xu hướng phát triển của chăn nuôi, các đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh và chuẩn kiến thức của GV. d) Tổ chức thực hiện: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục III và thảo luận theo cặp đôi, trả lời câu hỏi: + Phân biệt khái niệm chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh. + Giữa hai xu hướng chăn nuôi có đặc điểm gì giống và khác nhau? + Ưu điểm nổi bật của hai xu hướng chăn nuôi là gì? Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin III để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung luyện tập.	3. Xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới 3.1. Phát triển chăn nuôi bền vững: a. Khái niệm: Chăn nuôi bền vững là nền chăn nuôi bền vững về kinh tế, về môi trường và về xã hội. Phát triển chăn nuôi bền vững đảm bảo sự tăng trưởng ổn định về kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân, giữ gìn được môi trường sinh thái và lợi ích vật nuôi. b. Đặc điểm: - Vật nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không bị ngược đãi, được tự do. - Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lý. - Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ. - Đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường. 3.2. Phát triển chăn nuôi thông minh a. Khái niệm: Là nền chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, thiết bị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi. b. Đặc điểm: - Áp dụng đồng bộ các công nghệ thông minh: cảm biến, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, máy móc... - Có tính khả thi cao, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh và khả năng của người chăn nuôi. - Liên kết khép kín "từ trang trại đến bàn ăn". - Sản phẩm chăn nuôi an toàn, giá cả hợp lý.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.

b) **Nội dung:**

- Bài tập phân Luyện tập SGK

c) **Sản phẩm:** Đáp án bài tập phân Luyện tập SGK

d) **Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành nội dung:

1. Nêu phương thức chăn nuôi đang được áp dụng phổ biến ở địa phương em, ưu và nhược điểm của phương thức chăn nuôi đó bằng cách hoàn thành nội dung bảng sau:

Loại vật nuôi	Phương thức chăn nuôi	Ưu điểm	Nhược điểm

2. Trình bày xu hướng phát triển chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em.

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS vận dụng kiến thức vừa học, suy luận, tìm ra đáp án bài tập.

***Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

- Gọi ý câu trả lời

1. Nêu phương thức chăn nuôi đang được áp dụng phổ biến ở địa phương em, ưu và nhược điểm của phương thức chăn nuôi đó:

Loại vật nuôi	Phương thức chăn nuôi	Ưu điểm	Nhược điểm
Trâu, bò	Chăn thả tự do	Chi phí đầu tư thấp, dễ thực hiện	Năng suất thấp, dịch bệnh, không an toàn sinh học...
Lợn			
Gà			
Vịt			
Dê			
Thỏ....			

2. Trình bày xu hướng phát triển chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em.

Ví dụ: Xu hướng chăn nuôi bền vững phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh kinh tế của người dân địa phương....

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chuyển qua hoạt động tiếp theo

4. Hoạt động 4: Vận dụng – Mở rộng

a) **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn để đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.

b) **Nội dung:**

- HS về nhà quan sát, phân tích thực trạng chăn nuôi ở gia đình, địa phương. Vận dụng kiến thức đã học để đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu chia các nhóm nhỏ và thảo luận câu hỏi: Đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương

***Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS vận dụng kiến thức vừa học, suy luận, thảo luận nhóm và tìm ra đáp án bài tập.

***Báo cáo kết quả và thảo luận:**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi

***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

***Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại kiến thức đã học ở bài 2
- Xem trước nội dung bài 3: Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi.

Năng lực số:

1.1.NC1b: Tra cứu, chọn lọc thông tin về giống vật nuôi bản địa, giống nhập nội và các phương thức chăn nuôi từ sách, báo, Internet rồi đối chiếu với SGK - HS lập bảng tra cứu giống, ghi rõ nguồn và kết quả đối chiếu.

Nhóm giống	Tên giống và nơi nuôi phổ biến	Đặc điểm nổi bật	Nguồn em đã tra cứu	SGK có nêu giống này không?
Bản địa				
Bản địa				
Nhập nội				
Nhập nội				

Phương thức chăn nuôi	Cách nuôi chính	Ưu điểm	Nhược điểm	Ví dụ ở địa phương em
Chăn thả tự do				
Chăn nuôi công nghiệp				
Chăn nuôi bán công nghiệp				

SẢN PHẨM HỌC SINH

Nhóm giống	Tên giống và nơi nuôi phổ biến	Đặc điểm nổi bật	Nguồn em đã tra cứu	SGK có nêu giống này không?
Bản địa	Gà Ri (Nuôi phổ biến ở các vùng nông thôn khắp cả nước).	Tầm vóc nhỏ, kháng bệnh tốt, thịt chắc, thơm ngon, thích nghi cao.	Báo Nông nghiệp Việt Nam, Wikipedia vật nuôi nội địa.	Có nêu (Trong bài học về phân loại giống vật nuôi).
Bản địa	Lợn Ỉ (Nuôi phổ biến ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ).	Da đen, lưng võng, bụng sệ, mỡ nhiều, chịu kham khổ rất tốt.	Giáo trình Chăn nuôi đại cương, Viện Chăn nuôi Quốc gia.	Có nêu (Thuộc nhóm giống vật nuôi bản địa quý hiếm).
Nhập nội	Bò Holstein Friesian (HF) (Nuôi nhiều ở Lâm Đồng, Nghệ An, TP.HCM).	Thân hình chữ nêm, màu lông lang trắng đen, năng suất sữa cao nhất thế giới.	Website Cục Chăn nuôi, trang tin Khuyến nông Quốc gia.	Có nêu (Bò hướng sữa Hà Lan).
Nhập nội	Lợn Landrace (Nuôi phổ biến tại các trang trại lớn toàn quốc).	Thân dài, tai to rủ về phía trước, nách nhiều nạc, sinh sản tốt.	Tạp chí Chăn nuôi Việt Nam, Sách kỹ thuật nuôi lợn ngoại.	Có nêu (Nhóm giống lợn ngoại năng suất cao).

Phương thức CN	Cách nuôi chính	Ưu điểm	Nhược điểm	Ví dụ ở địa phương em
Chăn thả tự do	Vật nuôi tự tìm thức ăn ngoài tự nhiên, thả rộng trên đồng bãi.	Chi phí thức ăn thấp. Ít tốn công chăm sóc.	Năng suất thấp. Khó kiểm soát dịch bệnh.	Nuôi bò vàng thả đồng, nuôi gà cỏ thả vườn tại các hộ gia đình.
Chăn nuôi công nghiệp	Nuôi nhốt hoàn toàn trong chuồng trại, ăn thức ăn công nghiệp.	Năng suất sản phẩm rất cao. Kiểm soát tốt dịch bệnh.	Chi phí đầu tư ban đầu lớn. Dễ gây ô nhiễm môi trường.	Trang trại nuôi gà đẻ trứng của tập đoàn CP, trại nuôi lợn siêu nạc ngoại.
Chăn nuôi bán công nghiệp	Kết hợp nuôi nhốt tại chuồng với thả sân chơi, bãi cỏ định kỳ.	Chất lượng thịt trứng thơm ngon. Tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có.	Cần diện tích đất lớn. Quản lý dịch bùng phát khó hơn nuôi chuồng kín.	Mô hình nuôi gà thả đồi, nuôi vịt thả đồng kết hợp cho ăn cám bổ sung.